

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4 -2019

V/v Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Viên.

Bà Đoàn Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Sầm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2018/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị C, sinh năm 1982;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã S, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Anh Phùng Văn O, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn S, xã S, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Chu Bích T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2018, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vi Thị C trình bày:

Chị Vi Thị C và anh Phùng Văn O trước khi cưới không được tìm hiểu nhau, do bố mẹ hai bên gia đình sắp đặt và tổ chức cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Ngày 05/12/2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn chị C về chung sống với gia đình nhà anh O, cuộc sống chung vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do việc làm ăn anh O thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị. Có lần chị C đã đi báo trưởng thôn và công an viên về việc anh O đánh chị nhưng trưởng thôn và công an viên cho rằng việc gia đình nên không đến giải quyết, mâu thuẫn ngày càng nhiều, cuộc sống chung không hạnh phúc. Đến ngày 10 tháng giêng năm 2018 chị C đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian sinh sống ở nhà mẹ đẻ anh O đã đến đập vỡ điện thoại của chị C. Do việc ly thân đã lâu nên hiện nay chị C không còn tình cảm vợ chồng với anh O nữa, chị C cương quyết xin ly hôn với anh Phùng Văn O.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, con thứ nhất tên là Phùng Quốc C, sinh ngày 09/10/2005, con thứ hai là Phùng Thanh T, sinh ngày 28/3/2008, cả hai con hiện nay đang ở cùng anh O. Khi ly hôn chị C yêu cầu anh O là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung vì hiện nay chị C không có chỗ ở và chị C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000đồng/01 cháu cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phùng Văn O trình bày: Anh và chị C trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị C về chung sống với gia đình nhà anh O như chị C trình bày là đúng, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Chị C đã tự bỏ nhà đi từ ngày 10 tháng giêng năm 2018 đến tháng 5/2018 có về nhà hai ngày và sau đó lại bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống đến nay. Anh O không được đánh, chửi chị C như chị C trình bày. Anh chỉ thừa nhận có được đập vỡ điện thoại của chị C tại nhà mẹ đẻ của chị C, anh cũng thừa nhận hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, nhưng anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị C và anh không đồng ý ly hôn với chị C. Còn chị C muốn ly hôn với anh thì chị C phải trả lại cho anh tiền lễ cưới hỏi là 15.000.000đ và tiền bồi thường tuổi xuân cho anh là 15.000.000đ, tổng cộng là 30.000.000đ thì anh mới đồng ý ly hôn còn không thì anh không đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị C trình bày là đúng. Hiện nay cả hai con đang ở với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả hai con và anh yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ/01 con, hai con là 4.000.000đ, cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có.

Chị C không đồng ý trả lại tiền lễ cưới hỏi và tiền bồi thường tuổi xuân cho anh O.

Tòa án đã tiến hành tổ chức việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, chị C vẫn cương quyết đòi xin ly hôn với anh O. Anh O không đồng ý ly hôn với chị C. Nếu ly hôn thì chị C phải trả lại cho anh tiền lễ cưới hỏi là 15.000.000đ và tiền bồi thường tuổi xuân cho anh là 15.000.000đ, tổng cộng là 30.000.000đ thì anh mới đồng ý ly hôn còn không thì anh không đồng ý ly hôn với chị C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh O vẫn còn tình cảm với chị C nên yêu cầu đoàn tụ; về con chung giao cho anh O trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, chị C phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; về yêu cầu trả lại tiền lễ cưới và tiền đền bù tuổi xuân của anh O là không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu của chị C được ly hôn với anh O; về con chung giao hai con chung cho anh O là người trực tiếp nuôi dưỡng, chị C phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vĩ Thị C có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giải quyết việc ly hôn. Anh Phùng Văn O hiện nay cư trú tại thôn S, xã S, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Vĩ Thị C và anh Phùng Văn O lấy nhau có đăng ký kết hôn nên anh chị có quan hệ hôn nhân hợp pháp và có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vĩ Thị C và anh Phùng Văn O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 05/12/2005. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh O là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn: Chị C cho rằng anh O thường xuyên chửi mắng đánh đập chị, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc và không còn tình cảm với anh O nữa. Anh O cho rằng vẫn còn tình cảm với chị C và không thừa nhận việc chửi mắng, đánh đập chị C, chỉ thừa nhận có được đập vỡ điện thoại di động của chị C tại nhà mẹ đẻ của chị C khi vợ chồng đã sống ly thân, anh O chỉ đồng ý ly hôn khi chị C chấp nhận trả lại tiền lễ cưới và tiền bồi thường tuổi xuân cho anh O chứng tỏ anh O cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị C. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của chị C và anh O thì được biết vợ chồng có mâu thuẫn và trên thực tế hiện nay chị C và anh O đã sống ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung vợ chồng giữa chị C và anh O không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Vi Thị C được ly hôn với anh Phùng Văn O.

[5] Về con chung: Chị C và anh O có 02 con chung, con thứ nhất tên là Phùng Quốc C, sinh ngày 09/10/2005, con thứ hai là Phùng Thanh T, sinh ngày 28/3/2008, hiện nay đang ở cùng với anh O. Anh O yêu cầu được nuôi cả hai con và chị C cũng nhất trí giao hai con cho anh O trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ý kiến của hai cháu Phùng Quốc C và Phùng Thanh T cũng yêu cầu được ở với bố là anh Phùng Văn O. Xét thấy hai cháu đang ở cùng với anh O theo nguyện vọng của hai cháu và sự thỏa thuận của chị C và anh O nên giao hai con chung là Phùng Quốc C và Phùng Thanh T cho anh Phùng Văn O trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh O yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ một cháu/ 01 tháng, 02 cháu là 4.000.000đ/ 01 tháng; chị C chỉ đồng ý cấp dưỡng 700.000đ cho 01 cháu/ 01 tháng, hai cháu là 1.400.000đ/ 1 tháng, vì hiện nay chị C không có công ăn việc làm, đang phải sống phụ thuộc vào gia đình. Tòa án đã tiến hành xác minh mức thu nhập bình quân đầu người tại địa phương xã S là 1.260.000đ/01 người/01tháng, việc anh O yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ một cháu/ 01 tháng, 02 cháu là 4.000.000đ/ 01 tháng là quá cao so với khả năng của chị C, mức cấp dưỡng chị C đưa ra là 700.000đ cho 01 cháu/ 01 tháng, hai cháu là 1.400.000đ/ 1 tháng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của chị C hiện nay.

[7] Về tài sản chung: Chị C và anh O tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị C và anh O không có nợ chung.

[9] Về ý kiến của anh Phùng Văn O yêu cầu chị Vi Thị C phải trả lại tiền lễ cưới là 15.000.000đ và tiền bồi thường tuổi xuân cho anh là 15.000.000đ tổng cộng là 30.000.000đ thì mới đồng ý ly hôn còn không thì anh không đồng ý ly hôn với chị C. Chị C không chấp nhận vì cho rằng tiền lễ cưới hỏi là do anh O tự mang đến. Xét thấy tiền lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương là do hai bên tự nguyện, anh O chị C tự nguyện lấy nhau, anh O yêu cầu chị C bồi thường tuổi xuân là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Vi Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị C được ly hôn với anh Phùng Văn O.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Phùng Quốc C, sinh ngày 09/10/2005 và Phùng Thanh T, sinh ngày 28/3/2008 cho anh Phùng Văn O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Vi Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Vi Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con hàng tháng, số tiền 01 tháng cho 01 cháu là 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng), hai cháu là 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) một tháng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày xét xử sơ thẩm, ngày 24/4/2019.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Vi Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng số tiền án phí chị Vi Thị C phải nộp là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Vi Thị C đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/05196, ngày 05/12/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Chị Vi Thị C còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí để nộp ngân sách nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc;
- Ủy ban nhân dân xã S, huyện Cao Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Đức